

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2025/DS-PT

Ngày 15 - 4 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng giao khoán
và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2025/TLPT-DS ngày 20/01/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2025/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2025/QĐ-PT ngày 17/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần C2; địa chỉ: K, quốc lộ B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Huyền T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nhị H; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

2. Bị đơn: Ông Thân Trọng C; địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Mỹ T1; địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Thân Trọng C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 01/03/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Ngày 30/4/2004, Công ty C2 (Bên giao khoán) và ông Thân Trọng C (Người nhận khoán) đã ký các Hợp đồng về việc giao nhận khoán vườn cà phê chi tiết như sau: Hợp đồng số 16AT.10 Mã lô: B15, B16, B19, Đơn vị: A, Vùng A, Diện tích: 1,55 ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 30/4/2004 đến ngày 31/3/2020. Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên đã thực hiện nghiêm túc, đúng đủ toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên. Ngày 26/3/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06-2020/NQ-HĐQT “*V/v Phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao khoán vườn Cây Cà phê tại vùng A*”. Theo đó, Công ty ban hành thông báo 202/TB-CPPA ngày 27/3/2020 có 02 nội dung: Các hộ nhận khoán đến hạn thanh lý Hợp đồng, nếu không có nhu cầu tiếp tục nhận khoán thì liên hệ Đội trưởng để làm thủ tục thanh lý Hợp đồng. Đối với các hộ có nhu cầu tiếp tục nhận khoán vườn cây cà phê, thì ký Phụ lục gia hạn Hợp đồng thêm 01 năm. Tiếp theo đó, Công ty C2 thực hiện các thủ tục như mời làm việc với ông Thân Trọng C để thỏa thuận gia hạn Hợp đồng hoặc thanh lý Hợp đồng. Tuy nhiên, ông C không đồng ý các phương án công ty đưa ra và không hợp tác để thanh lý Hợp đồng.

Từ ngày 31/3/2020 đến nay ông Thân Trọng C tiếp tục quản lý, sử dụng chiếm giữ diện tích đất nhận khoán và vườn cây trên đất, để chăm sóc và hưởng lợi toàn bộ 100% giá trị vườn cây giao khoán. Vì nhận thức toàn bộ vườn cây là tài sản của mình nên Công ty vẫn tiếp tục thực hiện việc tưới nước, bón phân mặc dù Ông C từ chối việc nhận phân bón đầu tư vào vườn cây và Công ty vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước.

Suốt thời gian kể từ khi hết hạn Hợp đồng, ông Thân Trọng C không nộp sản lượng khoán, làm ảnh hưởng đến thực hiện quyền chủ sở hữu đối với diện tích đất và giá trị vườn cây, thực hiện quyền chủ sở hữu, quyền sử dụng đối với diện tích đất và giá trị vườn cây mà Công ty C2 đã giao khoán.

Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nay Công ty C2 đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk:

+ Giải quyết thanh lý hợp đồng giao, nhận khoán vườn cà phê số 16AT.10 ngày 30/4/2004, đồng thời buộc ông Thân Trọng C phải hoàn trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và vườn cây cho Công ty Cổ phần C2 đã giao diện tích Hợp đồng giao, nhận khoán vườn cà phê số 16AT.10 ký ngày 30/4/2004 với diện tích là 1,55ha. Mã lô B19 - Thuộc thửa đất số 59 (diện tích 4.787,9 m²) - tờ bản đồ số 13, Mã lô B16 – Thuộc thửa đất số 41(diện tích 6.399,2m²) đã thu hồi làm điện gió 3.002,5 m² theo quyết định số 2869/QĐ- UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện K, diện tích còn lại 3.396.7 m², Mã lô B15 diện tích 5.457,3 m² bao gồm thuộc thửa đất số 69 (diện tích 4.904,1m²) + thửa đất số 72 (diện tích 553,2m²) - tờ bản đồ số 14 đã thu hồi làm điện gió 441,6m² yêu cầu hoàn trả 5.015,7m², theo giấy chứng nhận QSDĐ số CM279613 do Sở TNMT tỉnh Đ cấp ngày 03/4/2018.

+ Về hậu quả thanh lý hợp đồng giao khoán: Công ty thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản, không yêu cầu định giá lại. Về giá trị vườn cây công ty Cổ phần C2 thống nhất giá trị vườn cây mỗi bên được hưởng 50% giá trị theo kết quả định giá tài sản. Về giá trị cây bơ bờ lô thì chia theo tỷ lệ gia đình

ông C được hưởng 80% giá trị, còn công ty được hưởng 20% giá trị. Về các loại cây trồng phát sinh trên đất do gia đình tự trồng thì gia đình ông C được hưởng 100%.

+ Về sản lượng: Buộc ông Thân Trọng C phải bồi thường toàn bộ sản lượng cà phê tương ứng với sản lượng nhận khoán phải nộp cho Công ty từ ngày 31/03/2020 đến nay cụ thể như sau:

+ Nợ sản lượng vụ 2020 – 2021 là **8.727** kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 11.840 kg cà phê quả tươi – 3.113 kg cà phê quả tươi đã nộp;

+ Nợ sản lượng vụ 2021 – 2022 là **9.391** kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 11.065 kg cà phê quả tươi – 1.673 kg cà phê quả tươi là sản lượng quy từ phân bón

+ Nợ sản lượng vụ 2022– 2023 là **5.425** kg cà phê quả tươi,

+ Nợ sản lượng vụ 2023– 2024 là **5.425** kg cà phê quả tươi. (Ông C có nộp 419 kg cà phê quả tươi đã nộp tiền tưới nước).

Tại phiên toà nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu không yêu cầu buộc ông Thân Trọng C có nghĩa vụ thường sản lượng vụ mùa năm 2023 – 2024, với sản lượng 5.425 kg cà phê quả tươi.

Tổng cộng ông Thân Trọng C phải bồi thường thiệt hại sản lượng cho công ty là **23.124** kg cà phê quả tươi.

+ Nợ tiền đầu tư cây bơ tính đến hết vụ mùa 2019: **6.630.192** đồng.

*** Bị đơn ông Thân Trọng C trình bày:**

Về lịch sử nguồn gốc của vườn cây được hình thành và tồn tại: Năm 1997 gia đình ông Thân Trọng C trực tiếp ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây với Công ty C3, nay là công ty cổ phần C2 từ đó đến nay không qua người nào khác. Sau khi ký kết bắt đầu khai hoang, làm dọn đất để trồng mới cà phê, trong thời kỳ xây dựng kiến thiết cơ bản là 04 năm kể từ năm 1995-1998. Hai bên cùng góp vốn là hộ gia đình (Bên B) và công ty (Bên A) thời hạn hợp đồng liên kết là 25 năm được tính từ ngày trồng mới 1995, sở hữu đất là nhà nước. Trong thời kỳ xây dựng kiến thiết cơ bản vốn đầu tư của bên A bao gồm khảo sát, thiết kế khai hoang, xây dựng các công trình và mua sắm các tài sản cố định, trang thiết bị phục vụ sản xuất và quản lý các loại phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, sửa chữa thường xuyên đập nước, tưới nước, quản lý và bảo vệ sản xuất chung trên toàn khu vực, nộp thuế nông nghiệp cho nhà nước. Đầu tư liên tục trong suốt thời gian liên kết sản xuất kinh doanh. Vốn của bên A đầu tư trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh là 60%. Vốn đầu tư của bên B bao gồm: Làm lán trại, chuẩn bị đất trồng, trang thiết bị, công cụ lao động, phòng hộ lao động để sản xuất và các khoản bảo hiểm xã hội. Nhà nước quy định vật tư phân bón thuốc trừ sâu bệnh từ kho bên A để đầu tư trên vườn cây. Thực hiện các khâu chăm sóc thường xuyên (làm cỏ, chòi cành, đầu tư thâm canh thu hoạch, bảo vệ vận chuyển giao nộp sản phẩm vật tư phân bón trên diện tích đất liên kết).

Vốn đầu tư bên B trong quá trình sản xuất kinh doanh là 40%. Sản phẩm được chia theo tỷ lệ phần trăm góp vốn của các bên nội dung trên có thể hiện tại Điều III và

điều IV ở trang số 3 của hợp đồng liên kết sản xuất kinh doanh cà phê tại hợp đồng năm 1997, hợp đồng với tính tự nguyện và dân chủ, được công chứng nhà nước. Hết thời hạn hợp đồng sau 25 năm thì giá trị vườn cây còn lại được tính 50% bên A và 50 % Bên B, đất sở hữu nhà nước, có thể hiện tại điều VII, trang 7 hợp đồng 1997. Trong suốt 25 năm quá trình hợp đồng liên kết sản xuất kinh doanh gia đình ông C và các hộ dân đã chấp hành đầu đủ, hoàn thành nghĩa vụ trên vườn cây đang chăm sóc. Tuy nhiên khi thời hạn hợp đồng kết thúc công ty cho rằng tiền thân Công ty TNHH C2 100% vốn nhà nước nên dẫn đến không thống nhất việc thanh lý hợp đồng vào ngày 30/3/2020.

Về yêu cầu thanh lý hợp đồng ông Thân Trọng C đồng ý thanh lý hợp đồng giao khoán theo yêu cầu khởi kiện của Công ty và trả lại Quyền sử dụng đất cho Công ty, bởi vì đất thuộc quyền sử hữu của nhà nước. Về diện tích đất trả lại do điện gió thu hồi một phần diện tích và đã hỗ trợ bồi thường cho gia đình ông C và công ty nên không đề nghị xem xét.

Về xác định giá trị vườn cây trồng như đại diện theo uỷ quyền của Công ty trình bày thì ông C cũng thống nhất với ý kiến cụ thể như sau: Về giá trị vườn cây công ty Cổ phần C2 thống nhất giá trị vườn cây mỗi bên được hưởng 50% giá trị theo kết quả định giá tài sản. Về giá trị cây bơ thì chia theo tỷ lệ gia đình ông C được hưởng 80% giá trị, còn công ty được hưởng 20% giá trị. Về các loại cây trồng phát sinh trên đất do gia đình tự trồng thì gia đình ông C được hưởng 100%.

Về sản lượng cà phê phải nộp theo đơn khởi kiện của Công ty thì ông Thân Trọng C không đồng ý, chỉ đồng ý nộp sản lượng 50% đối với vụ mùa năm 2020 và năm 2021, vì gia đình ông C là người trực tiếp ký kết với công ty, có nhiều đóng góp, tôn tạo vườn cây, các khoản nộp sản lượng cho công ty, gia đình ông C cũng có thiện chí nộp, hơn nữa thời điểm sau khi hợp đồng hết hiệu lực thì gia đình ông C vẫn có giá trị vườn cây 50%; đối với vụ mùa năm 2022, năm 2023 thì công ty chỉ có tưới 01 đợt 08 sào, gia đình ông C đã trả lại tiền tưới cà phê cho công ty. Sau khi bản án của Tòa án tỉnh Đắk Lắk đối với các vụ án khác có hiệu lực thì việc quản lý, gia đình tự đầu tư chăm sóc vườn cây và nếu gia đình không đầu tư chăm sóc thì vườn cây sẽ không còn giá trị như hiện nay, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Về tiền đầu tư cây Bơ trước đây thì gia đình cũng đồng ý không có ý kiến gì. Ông Thân Trọng C không có yêu cầu phản tố.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Mỹ T1 trình bày:**

Nhất trí với ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của ông C, không có ý kiến bổ sung hay yêu cầu gì thêm. Bà T1 không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 203, Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 224, 419, 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 580, 581 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 224, Điều 419, Điều 580, Điều 581 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều

8,9, 10 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/6 /2006 của Bộ N hướng dẫn một số điều Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C2 đối với ông Thân Trọng C.

1.1. Chấm dứt hợp đồng giao khoán Hợp đồng số 16AT.10 Mã lô: B15+B16+B19, Diện tích: 1,55 ha, ngày 30/4/2004, buộc ông Thân Trọng C phải trả lại toàn bộ diện tích đã nhận khoán có diện tích thực tế sau khi đã trừ đi diện tích thu hồi làm điện gió có diện tích và tứ cận từng thửa cụ thể như sau:

- Mã lô B19 - Thuộc thửa đất số 59 (diện tích 4.787,9 m²) - tờ bản đồ số 13, có tứ cận:

- + Phía Đông giáp lô ông T2
- + Phía Tây giáp lô ô Nam
- + Phía Nam giáp lô bà M
- + Phía Bắc giáp đường lô

- Mã lô B16 – Thuộc thửa đất số 41(diện tích 6.399,2m²) đã thu hồi làm điện gió 3.002,5 m² theo quyết định số 2869/QĐ- UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện K, diện tích còn lại 3.396.7m², có tứ cận

- + Phía Đông giáp trụ điện gió
- + Phía Tây giáp lô bà L
- + Phía Nam giáp lô ông C1
- + Phía Bắc giáp đường đi

- Mã lô B15 diện tích 5.457,3 m² bao gồm thuộc thửa đất số 69 (diện tích 4.904,1m²) + thửa đất số 72 (diện tích 553,2m²) - tờ bản đồ số 14 đã thu hồi làm điện gió 441,6m² còn lại 5.015,7m², có tứ cận:

- + Phía Đông giá đường lô
- + Phía Tây giáp đường lô
- + Phía Nam giáp đường đi
- + Phía Bắc giáp đường lô

Địa chỉ thửa đất: Thuộc xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSDĐ số CM279613 do Sở TNMT tỉnh Đ cấp ngày 03/4/2018.

1.2. Công ty Cổ phần C2 có trách nhiệm trả hoàn trả cho ông Thân Trọng C giá trị cây trồng trên đất bao gồm: Cà phê, Bơ B, muông theo hợp đồng và giá trị cây trồng trên đất không có trong hợp đồng với tổng giá trị là: **340.808.000** đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu tám trăm linh tám nghìn đồng*) (lấy tròn) .

1.3. Buộc ông Thân Trọng C có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây cho Công ty Cổ phần C2 gồm: Nợ sản lượng vụ 2020 – 2021 là **8.727** kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 11.840 kg cà phê quả tươi – 3.113 kg cà phê quả tươi đã nộp; Nợ sản lượng vụ 2021 – 2022 là **9.391** kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 11.065 kg cà phê quả tươi – 1.673 kg cà phê quả tươi là sản lượng quy từ phân bón; Nợ sản lượng vụ 2022– 2023 là **5.425** kg cà phê quả tươi. Tổng cộng nợ sản lượng là **23.124** kg cà phê quả tươi.

Buộc ông Thân Trọng C có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần C2 số tiền nợ đầu tư bơ là **6.630.192** đồng.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định.

Ngày 14/10/2024, ông Thân Trọng C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng; xem xét phân bồi thường sản lượng; xem xét cây bơ gia đình ông C tự trồng nên được hưởng 100%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của ông Thân Trọng C là không có căn cứ nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Thân Trọng C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về kháng cáo đề nghị Công ty cổ phần C2 sau khi thanh lý xong dứt điểm các hợp đồng cũ phải tiếp tục soạn thảo để ký kết hợp đồng mới cho hộ gia đình ông C, HĐXX xét thấy: Vấn đề giữa Công ty cổ phần C2 và hộ gia đình ông C có tiếp tục ký kết hợp đồng được hay không là phụ thuộc vào ý chí và sự thỏa thuận của hai bên, nên nội dung kháng cáo này của ông C Tòa án không thể xem xét.

[2.2] Về kháng cáo sản lượng bồi thường 23.124kg cà phê quả tươi, HĐXX xét thấy:

Khi hết thời hạn hợp đồng, ông Thân Trọng C không đồng ý thanh lý hợp đồng, cũng không gia hạn hợp đồng mà tiếp tục quản lý, sử dụng chiếm giữ diện tích đất nhận khoán và vườn cây trên đất. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng (từ năm 2004 đến 01/04/2020) hàng năm ông Thân Trọng C vẫn đóng sản lượng đầy đủ cho Công ty theo hợp đồng khoán. Kể từ ngày 01/04/2020, ông C vẫn chiếm giữ và hưởng lợi trên vườn cây và diện tích giao khoán. Ông Thân Trọng C cho rằng ông được hưởng 50% giá trị của vườn cây nên chỉ chịu nộp sản lượng 50% là chưa phù hợp, bởi lẽ hai bên vẫn chưa thanh lý hợp đồng và chưa có bản án có hiệu lực pháp luật về việc xác định 50% giá trị của mỗi bên, đáng lẽ ra khi hết thời hạn hợp đồng ông C không tiếp tục gia hạn hợp đồng thì phải khởi kiện công ty về việc thanh lý hợp đồng để xác định giá trị vườn cây của mỗi bên nhưng ông C vẫn chiếm giữ và thu hoa lợi trên vườn cây là chưa phù hợp. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc ông Thân Trọng C phải nộp sản lượng cho Công ty theo mức sản lượng mà các hộ gia hạn hợp đồng đóng hàng năm từ niên vụ 2020 đến niên vụ 2023 là phù hợp.

[2.3] Về kháng cáo số lượng cây bơ do gia đình ông C tự trồng nên được hưởng 100% giá trị, HĐXX xét thấy: Năm 2014, Công ty có phương án trồng thêm cây Bơ bờ lô, theo thỏa thuận và phương án được lập, Công ty chịu trách nhiệm đầu tư cây giống, phân bón, tưới nước, vật tư .v.v, còn hộ nhận khoán chịu trách nhiệm đầu tư thâm canh và lao động trên diện tích nhận khoán theo tỷ lệ Công ty đầu tư 20%, hộ nhận khoán đầu tư 80%. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất về giá trị cây bơ bờ lô thì chia theo tỷ lệ gia đình ông C được hưởng 80% giá trị, còn công ty được hưởng 20% giá trị. Tại sơ thẩm ông C cũng không đề cập đến việc cây bơ bờ lô là do ông C tự trồng, nay cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông C tự trồng, tự đầu tư, tự chăm sóc cây Bơ nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông C.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Thân Trọng C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí DSPT: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Thân Trọng C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm,

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Thân Trọng C

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thân Trọng C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006415 ngày 14/10/2024 của Chi cục THADS huyện K.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Mỹ My